TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – TÂY NINH** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 160/2026/DS-ST
Ngày 19-6-2026
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Văn Những

Ông Trần Minh Lý

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thúy Hà –Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

Ngày 19 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 417/2025/TLST-DS ngày 15 tháng 12 năm 2025 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 134/2026/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Công ty T1 (Việt Nam). Địa chỉ trụ sở chính: I P, phường S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lee Yun H – Tổng giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền của Công ty T1: Công ty L. Địa chỉ trụ sở: B L, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty L: Ông Cồ Lê Huy .

Người đại diện theo ủy quyền của ông H1: Ông Bùi Hùng Nam T – Chuyên viên pháp lý.

- *Bị đơn:* Bà Võ Thị M, sinh năm 1997. Địa chỉ cư trú: Tổ B ấp T, xã P, tỉnh Tây Ninh.

(Tất cả vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty T1 (Việt Nam) có nội dung

như sau:

Ngày 06/02/2024, Công ty T1 (Việt Nam) (gọi tắt là Công ty T1) ký Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số 5303740 về việc cấp tín dụng cho bà Võ Thị M với khoản vay trị giá 21.540.000 đồng; Mục đích vay để tiêu dùng cá nhân, hình thức vay tín chấp và không có tài sản bảo đảm; Lãi suất vay: 43%/năm; Thời hạn vay là 36 tháng tính 10/3/2024 đến ngày 10/02/2027.

Sau khi ký kết hợp đồng tín dụng, ngày 07/02/2024, Công ty T1 đã tiến hành giải ngân toàn bộ số tiền vay cho bà M.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà M đã thanh toán được 09 kỳ với tổng số tiền: 7.138.416 đồng, trong đó bao gồm: 0 đồng tiền gốc, 7.029.124 đồng tiền lãi và 108.000 đồng tiền phí thu hộ. Tuy nhiên sau ngày 17/11/2024, bà M đã không thanh toán đầy đủ theo nghĩa vụ hợp đồng, không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán của mình, để khoản vay quá hạn.

Công ty T1 đã liên hệ đề nghị bà M thực hiện nghĩa vụ thanh toán của mình theo hợp đồng, nhưng bà M vẫn không thực hiện.

Do bà M đã vi phạm nghĩa vụ của mình đối với Công ty T1 nên Công ty T1 khởi kiện yêu cầu: Buộc bà Võ Thị M thanh toán cho Công ty T1 số tiền nợ phát sinh từ hợp đồng tín dụng tính đến ngày 04/9/2025 là 28.745.332đ. Yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh kể từ ngày 05/9/2025 với mức lãi suất thoả thuận theo hợp đồng tín dụng đến ngày bà M thanh toán hết nợ.

Bị đơn bà Võ Thị M vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không có ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa,

Người đại diện theo ủy quyền của Công ty T1 có văn bản xin vắng mặt, đồng thời có văn bản trình bày yêu cầu bà M thanh toán số tiền nợ tính đến ngày 19/6/2026 với số tiền 37.773.020 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 21.540.000 đồng và tiền lãi là 16.233.020 đồng, đề nghị tiếp tục tính lãi từ ngày 20/6/2026 đến khi thanh toán hết nợ.

Bị đơn bà Võ Thị M vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn, Toà án nhân dân khu vực 7 – Tây Ninh xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn đang cư trú tại xã P, tỉnh Tây Ninh nên căn cứ Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân khu vực 7 – Tây Ninh có thẩm quyền thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Về việc vắng mặt các đương sự: Xét thấy người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt cả nguyên đơn và bị đơn.

Về việc giải quyết vụ án:

[3] Căn cứ lời trình bày của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do các đương sự cung cấp, có cơ sở xác định: Bà Võ Thị M đã ký kết với Công ty T1 Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số 5303740 về việc cấp tín dụng cho bà Võ Thị M với khoản vay trị giá 21.540.000 đồng; Mục đích vay để tiêu dùng cá nhân, hình thức vay tín chấp và không có tài sản bảo đảm; Lãi suất vay: 43%/năm; Thời hạn vay là 36 tháng tính 10/3/2024 đến ngày 10/02/2027.

[4] Thực hiện hợp đồng, ngày 07/02/2024, Công ty T1 đã tiến hành giải ngân toàn bộ số tiền vay cho bà M. Bà M đã thanh toán được 09 kỳ cho Công ty T1 với tổng số tiền: 7.138.416 đồng, trong đó bao gồm: 0 đồng tiền gốc, 7.029.124 đồng tiền lãi và 108.000 đồng tiền phí thu hộ. Tuy nhiên sau ngày 17/11/2024, bà M đã không thanh toán đầy đủ theo nghĩa vụ hợp đồng, không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán của mình, để khoản vay quá hạn. Tính đến ngày 19/6/2026, bà M còn nợ số tiền 37.773.020 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 21.540.000 đồng và tiền lãi là 16.233.020 đồng.

[5] Do bà M đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng ký kết nên Công ty T1 khởi kiện yêu cầu buộc bà M trả số tiền nợ trên là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 463 và 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 91 và Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, Điều 100 và Điều 103 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024.

[6] Về án phí sơ thẩm: Buộc bà M phải chịu 1.888.651 đồng án phí sơ thẩm. Hoàn trả cho Công ty T1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 và 483 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 299, 323, 463, 466 và 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91 và Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, Điều 100 và Điều 103 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty T1 (Việt Nam) về tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bà Võ Thị M.

Buộc bà Võ Thị M phải thanh toán cho Công ty T1 (Việt Nam) tổng số tiền nợ tính đến ngày 19/6/2026 là 37.773.020 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 21.540.000 đồng và tiền lãi là 16.233.020 đồng.

Kể từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ thì bà Võ Thị M còn phải chịu tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa bà Võ Thị M với Công ty T1 (Việt Nam).

2. Về án phí sơ thẩm:

Buộc bà Võ Thị M phải chịu 1.888.651 đồng án phí sơ thẩm đối với tranh chấp về dân sự có giá ngạch.

Hoàn trả cho Công ty T1 (Việt Nam) số tiền 719.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0014586 ngày 09/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

3. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 7;
- Phòng THADS khu vực 7;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thanh Tuyền

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN	**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Nguyễn Công Danh – Nguyễn Minh Chí	**Nguyễn Thị Thanh Tuyền**

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Bạch Huệ - Phạm Hoàng Diễm Trang **Trần Tấn Quốc**

[3] Các đương sự thống nhất được các nội dung theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự như sau:

[4] - Tài sản tranh chấp yêu cầu chia thừa kế và chia tài sản chung gồm:

[5] QSDĐ thửa 147, loại đất thổ, diện tích 913m^2 (đo đạc thực tế là 913m^2), tờ bản đồ số 3; thửa 1687, loại đất lúa, diện tích 2.085m^2 (đo đạc thực tế là 1.950m^2), tờ bản đồ số 2; đều tọa lạc tại xã P, huyện C, tỉnh Long An.

Các tài sản khác gồm công trình xây dựng (nhà 1, mái che 3, hồ tròn di chuyển được, giếng nước), tài sản trong nhà đã qua sử dụng (chịn dài, ghế đai, bộ ghế salon, tủ thờ, chịn thờ, tủ tivi, tủ áo, đi-văng, tu nhỏ, giường, chịn tròn), xe máy đã qua sử dụng (xe Honda city) và cây trồng trên đất (mai vàng): Hiện do ông B đang quản lý sử dụng.

- Theo Mảnh trích đo địa chính số 853-2020 do Công ty TNHH Đ vẽ ngày 30/9/2020, được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai tại huyện C ký duyệt ngày 05/10/2020 và bản vẽ phân khu ngày 06/4/2022 của Công ty TNHH Đ1 (đính kèm bản án này); Chứng thư thẩm định giá số Vc 20/12/04/TS-LA ngày 07/12/2020 của Công ty Cổ phần thông tin và Thẩm định giá miền N.